

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ - ST.

Ngày: 09 tháng 02 năm 2018.

“V/v: Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Mạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Chuyết**.

Bà **Phạm Thị Hương**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thanh Hiếu** - Cán bộ TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: **Bà Trần Hoàng Phượng** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/TLST - HNGĐ ngày 05/10/2017 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Anh **Nguyễn Văn T** - Sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Xóm H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H** - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Xóm H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1968.

Ông Nguyễn Văn K – Sinh năm: 1974.

Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1966.

Ông Phạm Văn X – Sinh năm: 1941.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Ông Nguyễn Đức T – Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Đội 8, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào tháng 10 năm 1992 có được đăng ký tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường và sinh được hai người con. Sau khi sinh được cháu thứ hai được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh T và chị H sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên anh đã có đề nghị xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Văn T - sinh ngày 30/3/1994 và Nguyễn Thị T – Sinh ngày 19/4/1999. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, tự lập nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin không ly hôn, đơn đề nghị và biên bản hòa giải ngày 30/10/2010 chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như anh T đã trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường và sinh được hai người con Nguyễn Văn T - sinh ngày 30/3/1994 và Nguyễn Thị T – Sinh ngày 19/4/1999. Đến khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2002, vợ chồng chị có mua một chiếc ô tô tải chung với gia đình anh Phạm Văn D, chị Phạm Thị T. Vì điều kiện gia đình không đủ tiền nên phải đi vay tiền anh em, hàng xóm gần nhà mẹ đẻ của chị để góp vốn mua xe. Cụ thể như sau: Ông Nguyễn Hữu T đưa 6 chỉ vàng (đây là số vàng mà mẹ chồng chị đưa cho ông T giữ, nay mẹ chồng chị đã mất và hiện vẫn chưa trả được); vay của ông Đ, ông T (đều là anh ruột chị H); Ông K (em ruột chị H); anh T (cháu họ chị H); ông X (là anh họ sát nhà mẹ đẻ chị H), mỗi người 1 cây vàng 9999. Số vàng vay của anh em nhà chị H đều vay bằng miệng và không có giấy tờ vay nợ gì hết. Ngoài ra còn vay của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), số tiền này chị H đã trả cho ngân hàng. Ngoài những khoản nợ trên, vợ chồng chị H còn chơi 2 bát phường vàng do ông Nguyễn Văn K làm chủ, mỗi năm đóng hai chỉ vàng, anh T trực tiếp vào mua phường cả hai suất và sau đó cầm vàng bỏ đi nhưng sổ sách không còn lưu lại. Chị H có quan điểm không đồng ý ly hôn và yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả nợ.

Về con chung: Chị H không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2017 của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H (là vợ ông Đ), ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn T, ông Phạm Văn X, anh Nguyễn Đức T đều thừa nhận việc mỗi người cho chị H vay 1 cây vàng 9999 nhưng lúc vay không có mặt anh T và không có giấy tờ vay nợ gì hết.

Tại phiên tòa:

Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, không trình bày bổ sung gì thêm. Về tài sản là nhà đất hiện còn liên quan với anh Nguyễn Văn T1 (là anh trai anh T) riêng phần của anh, anh T để lại cho vợ và các con, không có tranh chấp gì. Về công nợ anh T xác định không nợ ai.

Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm không ly hôn và yêu cầu anh T có trách nhiệm phải trả nợ cùng với chị và đề nghị anh T không sử dụng tài sản mà để lại cho các con thì phải có văn bản rõ ràng.

Bà H, ông K, ông T, ông X, ông T đều có ý kiến là cho chị H vay tiền trong thời gian vợ chồng đang hòa thuận, do là anh em họ nên khi cho vay không viết giấy biên nhận và đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T1 có ý kiến hiện đất và nhà mà chị H và các con anh T đang ở có phần đất của ông, nếu anh T để lại nhà đất cho các con thì sau này tôi cũng làm giấy tờ cho các con anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về mặt tố tụng: Việc thu thập tài liệu có trong hồ sơ vụ án hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên toà của Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về tình cảm: Trong đơn khởi kiện cũng như tại các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H. Trong các bản tự khai, đơn đề nghị cũng như biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị H không nhất trí với việc anh T xin ly hôn. Mặc dù chị H không nhất trí ly hôn với anh T nhưng xét thấy anh T đã không còn tình cảm và không thể hàn gắn với chị H, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

- Về con: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T – sinh ngày 19/4/1999 và cháu Nguyễn Văn T - sinh ngày 30/3/1994. Cả hai cháu đều đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

+ Về tài sản: tại phiên tòa chị H có ý kiến yêu cầu anh T để lại toàn bộ tài sản cho các con của chị và việc để lại tài sản này anh T lập thành văn bản. Trong bản tự khai cũng như tại phiên tòa anh T nhất trí với yêu cầu này của chị H nên chấp nhận sự tự nguyện của anh T trong việc để lại toàn bộ tài sản cho các con của anh T.

+ Về công nợ: trong các bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị H yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cùng chị trả nợ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Anh T trong các bản tự khai cũng như tại phiên tòa cho rằng các khoản nợ trên không liên quan đến anh nên anh không nhất trí việc cùng chị H trả các khoản

nợ nêu trên. Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều khai người đến đặt vấn đề vay tiền và nhận tiền là chị H, còn việc anh T biết chị H vay hay không thì họ không biết. Do chị H không cung cấp được các bằng chứng liên quan đến việc anh T có liên quan đến việc vay nợ do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của chị H.

- Án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có địa chỉ là: Xóm H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng như anh chị tại phiên tòa đã thể hiện rõ: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường và sinh được hai người con. Đến năm 2003 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh và chị H sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau, chứng tỏ quan hệ hôn nhân của anh T và chị H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu của anh Nguyễn Văn T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Các con của anh T và chị H đã trên 18 tuổi, đều trưởng thành và tự lập. HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Là nhà đất hiện đang có tranh chấp với anh Nguyễn Văn T1, đây là quan hệ pháp luật khác cần phải giải quyết bằng vụ án khác về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Do vậy HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Công nợ: Tại phiên tòa cũng như quá trình giải quyết chị H có lời khai về những khoản nợ vàng, tiền vay ngân hàng, tiền phường và yêu cầu anh T có trách nhiệm trả nợ cùng với chị. Tuy nhiên, chị H không cung cấp được chứng cứ hay giấy vay nợ nào để chứng minh cho lời khai của mình. Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, mặc dù họ đều cho rằng là có quan hệ anh em ruột, họ hàng với chị H nên cho chị H vay vàng, trong thời gian vợ chồng đang hòa thuận nhưng lúc cho vay không có mặt

anh T và cũng không có giấy vay nợ, anh T không thừa nhận có các khoản nợ như chị H khai. Do vậy những khoản nợ mà chị H nêu ra là không đủ căn cứ. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Từ các chứng cứ và nhận định trên HĐXX xác định bà H, ông K, ông T, ông X, ông T không có tư cách về quyền lợi nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này. Bà H, ông K, ông T, ông X, ông T có quyền khởi kiện chị H thành vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu và có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Điều 144 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội. Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2. Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000983 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Anh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Mạnh